

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /UBND-VX

V/v báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định (đợt 2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; theo đó, tỉnh Bình Định thuộc nhóm đối tượng chưa tự cân đối ngân sách nên được ngân sách Trung ương hỗ trợ 50% mức thực chi;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Công văn số 5574/BTC-NSNN của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kinh phí thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, theo đó, sau khi kết thúc từng đợt chi trả, địa phương tổng hợp, báo cáo kết quả số thực chi của địa phương (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) gửi Bộ Tài chính để xem xét, hỗ trợ phần kinh phí Trung ương đảm bảo;

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán của UBND các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị của Sở Tài chính về kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 năm 2020 trên địa bàn tỉnh (đợt 2) đến hết ngày 06/10/2020, với tổng kinh phí là **10.955,520 triệu đồng**; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính hỗ trợ 50% tổng kinh phí chi trả theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ là **5.477,760 triệu đồng** (phần kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Lao động -TB&XH;
- Vụ Ngân sách NN-BTC;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: TC, LĐ-TB&XH;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K17, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC:

TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐỢT 2 NĂM 2020 ĐẾN HẾT NGÀY 06/10/2020

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Đã quyết toán đợt 1 năm 2020				Báo cáo quyết toán đợt 2 năm 2020				Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực chi đợt 2	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)	Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10*50%	12
	TỔNG CỘNG:	236.022			249.920.130.000	9.852	-	-	10.955.520.000	5.477.760.000	-
I	Hỗ trợ đối tượng tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, hoặc thỏa thuận nghỉ không lương tại DN					88			158.400.000		
	1 tháng					88			158.400.000		
	Thành phố Quy Nhơn		1.800.000	1	-	88	1.800.000	1	158.400.000		
	Thị xã An Nhơn		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Tuy Phước		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Tây Sơn		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Phù Cát		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Phù Mỹ		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Hoài Ân		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Thị xã Hoài Nhơn		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Vân Canh		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện Vĩnh Thạnh		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
	Huyện An Lão		1.800.000	1	-	-	1.800.000	1			
II	Hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm					1.155			1.155.000.000		
	1 tháng					1.155			1.155.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn		1.000.000	1	-	79	1.000.000	1	79.000.000		
	Thị xã An Nhơn		1.000.000	1	-	763	1.000.000	1	763.000.000		
	Huyện Tuy Phước		1.000.000	1	-	68	1.000.000	1	68.000.000		
	Huyện Tây Sơn		1.000.000	1	-	44	1.000.000	1	44.000.000		
	Huyện Phù Cát		1.000.000	1	-	70	1.000.000	1	70.000.000		
	Huyện Phù Mỹ		1.000.000	1	-	22	1.000.000	1	22.000.000		
	Huyện Hoài Ân		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Thị xã Hoài Nhơn		1.000.000	1	-	36	1.000.000	1	36.000.000		

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Đã quyết toán đợt 1 năm 2020				Báo cáo quyết toán đợt 2 năm 2020				Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực chi đợt 2	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)	Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10*50%	12
	Huyện Vân Canh		1.000.000	1	-	30	1.000.000	1	30.000.000		
	Huyện Vĩnh Thạnh		1.000.000	1	-	23	1.000.000	1	23.000.000		
	Huyện An Lão		1.000.000	1	-	20	1.000.000	1	20.000.000		
III	Hỗ trợ người lao động bị chấp dứt hợp đồng (không hưởng trợ cấp thất nghiệp), người lao động tự do					79			79.000.000		
	1 tháng					79			79.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn		1.000.000	1	-	1	1.000.000	1	1.000.000		
	Thị xã An Nhơn		1.000.000	1	-	66	1.000.000	1	66.000.000		
	Huyện Tuy Phước		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Huyện Tây Sơn		1.000.000	1	-	9	1.000.000	1	9.000.000		
	Huyện Phù Cát		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Huyện Phù Mỹ		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Huyện Hoài Ân		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Thị xã Hoài Nhơn		1.000.000	1	-	3	1.000.000	1	3.000.000		
	Huyện Vân Canh		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Huyện An Lão		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
IV	Lao động tự do thuộc các nhóm đối tượng là người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm					3.725			3.725.000.000		
	1 tháng					3.725			3.725.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn		1.000.000	1	-	912	1.000.000	1	912.000.000		
	Thị xã An Nhơn		1.000.000	1	-	-	1.000.000	1	-		
	Huyện Tuy Phước		1.000.000	1	-	112	1.000.000	1	112.000.000		
	Huyện Tây Sơn		1.000.000	1	-	564	1.000.000	1	564.000.000		
	Huyện Phù Cát		1.000.000	1	-	682	1.000.000	1	682.000.000		
	Huyện Phù Mỹ		1.000.000	1	-	339	1.000.000	1	339.000.000		
	Huyện Hoài Ân		1.000.000	1	-	30	1.000.000	1	30.000.000		
	Thị xã Hoài Nhơn		1.000.000	1	-	629	1.000.000	1	629.000.000		
	Huyện Vân Canh		1.000.000	1	-	191	1.000.000	1	191.000.000		

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Đã quyết toán đợt 1 năm 2020				Báo cáo quyết toán đợt 2 năm 2020				Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực chi đợt 2	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)	Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10*50%	12
	Huyện Vĩnh Thạnh		1.000.000	1	-	209	1.000.000	1	209.000.000		
	Huyện An Lão		1.000.000	1	-	57	1.000.000	1	57.000.000		
V	Hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	24.498	1.500.000		36.690.500.000	191			267.500.000		-
1	1 tháng	43	500.000	1	21.500.000	15			7.500.000		
	Thành phố Quy Nhơn	2	500.000	1	1.000.000	8	500.000	1	4.000.000		
	Thị xã An Nhơn	7	500.000	1	3.500.000	1	500.000	1	500.000		
	Huyện Tuy Phước	6	500.000	1	3.000.000	-	500.000	1	-		
	Huyện Tây Sơn	4	500.000	1	2.000.000	-	500.000	1	-		
	Huyện Phù Cát	7	500.000	1	3.500.000	-	500.000	1	-		
	Huyện Phù Mỹ	-	500.000	1	-	-	500.000	1	-		
	Huyện Hoài Ân	2	500.000	1	1.000.000	(1)	500.000	1	(500.000)		
	Thị xã Hoài Nhơn	14	500.000	1	7.000.000	3	500.000	1	1.500.000		
	Huyện Vân Canh	1	500.000	1	500.000	-	500.000	1	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh	-	500.000	1	-	1	500.000	1	500.000		
	Huyện An Lão	-	500.000	1	-	3	500.000	1	1.500.000		
2	2 tháng	27	500.000	2	27.000.000	8			8.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn	2	500.000	2	2.000.000	4	500.000	2	4.000.000		
	Thị xã An Nhơn	1	500.000	2	1.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Tuy Phước	1	500.000	2	1.000.000	2	500.000	2	2.000.000		
	Huyện Tây Sơn	-	500.000	2	-	-	500.000	2	-		
	Huyện Phù Cát	3	500.000	2	3.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Phù Mỹ	-	500.000	2	-	-	500.000	2	-		
	Huyện Hoài Ân	4	500.000	2	4.000.000	-	500.000	2	-		
	Thị xã Hoài Nhơn	11	500.000	2	11.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Vân Canh	2	500.000	2	2.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh	3	500.000	2	3.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện An Lão	-	500.000	2	-	2	500.000	2	2.000.000		
3	3 tháng	24.428	500.000	3	36.642.000.000	168			252.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn	3.525	500.000	3	5.287.500.000	1	500.000	3	1.500.000		
	Thị xã An Nhơn	1.420	500.000	3	2.130.000.000	4	500.000	3	6.000.000		
	Huyện Tuy Phước	1.138	500.000	3	1.707.000.000	-	500.000	3	-		
	Huyện Tây Sơn	1.169	500.000	3	1.753.500.000	43	500.000	3	64.500.000		

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Đã quyết toán đợt 1 năm 2020				Báo cáo quyết toán đợt 2 năm 2020				Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực chi đợt 2	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)	Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10*50%	12
	Huyện Phù Cát	1.819	500.000	3	2.728.500.000	2	500.000	3	3.000.000		
	Huyện Phù Mỹ	3.988	500.000	3	5.982.000.000	6	500.000	3	9.000.000		
	Huyện Hoài Ân	1.459	500.000	3	2.188.500.000	86	500.000	3	129.000.000		
	Thị xã Hoài Nhơn	8.018	500.000	3	12.027.000.000	17	500.000	3	25.500.000		
	Huyện Vân Canh	203	500.000	3	304.500.000	-	500.000	3	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh	839	500.000	3	1.258.500.000	5	500.000	3	7.500.000		
	Huyện An Lão	850	500.000	3	1.275.000.000	4	500.000	3	6.000.000		
VI	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	138.463	750.000		103.835.000.000	1.567			1.171.750.000		-
1	1 tháng	20	250.000	1	5.000.000	2			500.000		
	Thành phố Quy Nhơn	2	250.000	1	500.000	-	250.000	1	-		
	Thị xã An Nhơn	3	250.000	1	750.000	(1)	250.000	1	(250.000)		
	Huyện Tuy Phước	-	250.000	1		-	250.000	1	-		
	Huyện Tây Sơn	8	250.000	1	2.000.000	1	250.000	1	250.000		
	Huyện Phù Cát	-	250.000	1		-	250.000	1	-		
	Huyện Phù Mỹ	-	250.000	1		-	250.000	1	-		
	Huyện Hoài Ân	3	250.000	1	750.000	(1)	250.000	1	(250.000)		
	Thị xã Hoài Nhơn	2	250.000	1	500.000	-	250.000	1	-		
	Huyện Vân Canh	2	250.000	1	500.000	-	250.000	1	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh	-	250.000	1		-	250.000	1	-		
	Huyện An Lão	-	250.000	1		3	250.000	1	750.000		
2	2 tháng	9	250.000	2	4.500.000	10			5.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn	-	250.000	2		1	250.000	2	500.000		
	Thị xã An Nhơn	1	250.000	2	500.000	-	250.000	2	-		
	Huyện Tuy Phước	2	250.000	2	1.000.000	-	250.000	2	-		
	Huyện Tây Sơn	3	250.000	2	1.500.000	-	250.000	2	-		
	Huyện Phù Cát	-	250.000	2		-	250.000	2	-		
	Huyện Phù Mỹ	-	250.000	2		-	250.000	2	-		
	Huyện Hoài Ân	2	250.000	2	1.000.000	(1)	250.000	2	(500.000)		
	Thị xã Hoài Nhơn	1	250.000	2	500.000	2	250.000	2	1.000.000		
	Huyện Vân Canh	-	250.000	2		-	250.000	2	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh	-	250.000	2		-	250.000	2	-		
	Huyện An Lão	-	250.000	2		8	250.000	2	4.000.000		
3	3 tháng	138.434	250.000	3	103.825.500.000	1.555			1.166.250.000		
	Thành phố Quy Nhơn	1.231	250.000	3	923.250.000	(25)	250.000	3	(18.750.000)		

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Đã quyết toán đợt 1 năm 2020				Báo cáo quyết toán đợt 2 năm 2020				Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực chi đợt 2	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)	Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10*50%	12
	Thị xã An Nhơn	7.550	250.000	3	5.662.500.000	9	250.000	3	6.750.000		
	Huyện Tuy Phước	5.175	250.000	3	3.881.250.000	4	250.000	3	3.000.000		
	Huyện Tây Sơn	13.405	250.000	3	10.053.750.000	20	250.000	3	15.000.000		
	Huyện Phù Cát	18.728	250.000	3	14.046.000.000	8	250.000	3	6.000.000		
	Huyện Phù Mỹ	12.359	250.000	3	9.269.250.000	12	250.000	3	9.000.000		
	Huyện Hoài Ân	13.531	250.000	3	10.148.250.000	1.747	250.000	3	1.310.250.000		
	Thị xã Hoài Nhơn	17.323	250.000	3	12.992.250.000	(18)	250.000	3	(13.500.000)		
	Huyện Vân Canh	15.470	250.000	3	11.602.500.000	5	250.000	3	3.750.000		
	Huyện Vĩnh Thạnh	16.217	250.000	3	12.162.750.000	4	250.000	3	3.000.000		
	Huyện An Lão	17.445	250.000	3	13.083.750.000	(211)	250.000	3	(158.250.000)		
VII	Hỗ trợ đối tượng BTXH hưởng trợ cấp hàng tháng	73.061	1.500.000		109.394.630.000	3.047	-	-	4.398.870.000		-
1	1 tháng	129	500.000	1	64.500.000	152			76.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn	15	500.000	1	7.500.000	44	500.000	1	22.000.000		
	Thị xã An Nhơn	36	500.000	1	18.000.000	8	500.000	1	4.000.000		
	Huyện Tuy Phước	12	500.000	1	6.000.000	39	500.000	1	19.500.000		
	Huyện Tây Sơn	15	500.000	1	7.500.000	-	500.000	1	-		
	Huyện Phù Cát	24	500.000	1	12.000.000	17	500.000	1	8.500.000		
	Huyện Phù Mỹ	-	500.000	1	-	-	500.000	1	-		
	Huyện Hoài Ân	5	500.000	1	2.500.000	3	500.000	1	1.500.000		
	Thị xã Hoài Nhơn	21	500.000	1	10.500.000	34	500.000	1	17.000.000		
	Huyện Vân Canh	1	500.000	1	500.000	2	500.000	1	1.000.000		
	Huyện Vĩnh Thạnh	-	500.000	1	-	-	500.000	1	-		
	Huyện An Lão	-	500.000	1	-	5	500.000	1	2.500.000		
2	2 tháng	137	500.000	2	137.000.000	38			38.000.000		
	Thành phố Quy Nhơn	2	500.000	2	2.000.000	19	500.000	2	19.000.000		
	Thị xã An Nhơn	24	500.000	2	24.000.000	5	500.000	2	5.000.000		
	Huyện Tuy Phước	19	500.000	2	19.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Tây Sơn	11	500.000	2	11.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Phù Cát	35	500.000	2	35.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Phù Mỹ	11	500.000	2	11.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện Hoài Ân	9	500.000	2	9.000.000	9	500.000	2	9.000.000		
	Thị xã Hoài Nhơn	22	500.000	2	22.000.000	2	500.000	2	2.000.000		
	Huyện Vân Canh	2	500.000	2	2.000.000	-	500.000	2	-		

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Đã quyết toán đợt 1 năm 2020				Báo cáo quyết toán đợt 2 năm 2020				Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực chi đợt 2	Ghi chú
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)	Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí thực chi (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10*50%	12
	Huyện Vĩnh Thạnh	2	500.000	2	2.000.000	-	500.000	2	-		
	Huyện An Lão	-	500.000	2	-	3	500.000	2	3.000.000		
3	3 tháng	72.795	500.000	3	109.193.130.000	2.857			4.284.870.000		
	Thành phố Quy Nhơn	8.495	500.000	3	12.742.500.000	18	500.000	3	27.000.000		
	Thị xã An Nhơn	9.062	500.000	3	13.593.630.000	1.392	500.000	3	2.087.370.000		
	Huyện Tuy Phước	9.567	500.000	3	14.350.500.000	49	500.000	3	73.500.000		
	Huyện Tây Sơn	6.242	500.000	3	9.363.000.000	38	500.000	3	57.000.000		
	Huyện Phù Cát	10.587	500.000	3	15.880.500.000	51	500.000	3	76.500.000		
	Huyện Phù Mỹ	10.129	500.000	3	15.193.500.000	75	500.000	3	112.500.000		
	Huyện Hoài Ân	3.778	500.000	3	5.667.000.000	662	500.000	3	993.000.000		
	Thị xã Hoài Nhơn	11.053	500.000	3	16.579.500.000	569	500.000	3	853.500.000		
	Huyện Vân Canh	1.299	500.000	3	1.948.500.000	-	500.000	3	-		
	Huyện Vĩnh Thạnh	1.284	500.000	3	1.926.000.000	7	500.000	3	10.500.000		
	Huyện An Lão	1.299	500.000	3	1.948.500.000	(4)	500.000	3	(6.000.000)		